

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
—————

BÁO CÁO

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH (HCMPECC)

Địa chỉ: 155A Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028.22.110.500 hoặc 028.22.110.503 - Fax: 028.38107309

Website: www.hcmpecc.com.vn - Email: hcmpecc@gmail.com

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH

Thời gian: 8h00, thứ Năm ngày 19 tháng 05 năm 2023

Địa điểm: Phòng họp – 155A Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

Thời gian	Nội dung
07h30-08h00	Đăng ký tham dự đại hội
	I. KHAI MẠC
08h00-08h05	1. Khai mạc hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự
08h05-08h10	2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
08h10-08h15	3. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội
08h15-08h20	4. Thông qua chương trình Đại hội
08h20-08h25	5. Giới thiệu và biểu quyết thông qua thành phần Đoàn chủ tọa, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu
	II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI
08h25-08h30	1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023
08h30-08h35	2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị
08h35-08h40	3. Báo cáo của Ban Kiểm Soát
08h40-08h45	4. Trình bày tại ĐHĐCĐ: - Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán - Thù lao HĐQT & BKS năm 2023. - Ủy quyền HĐQT chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023. - Phân phối lợi nhuận năm 2022 và cổ tức năm 2022. - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023. - Bầu Thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028
08h45-09h10	5. Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
09h10-09h40	6. Bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS
09h40-10h00	7. Nghi giải lao
10h00-10h15	8. Công bố kết quả biểu quyết, kết quả bầu thành viên HĐQT và BKS
10h15-10h20	9. Thông qua Nghị quyết đại hội
20h20-10h25	10. Thông qua Biên bản đại hội
	III. BẾ MẠC ĐẠI HỘI
10h25	Tuyên bố bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 502 /QC-TVĐ-ĐHCD2022

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2022 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp lần thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành ***Quy chế Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP Hồ Chí Minh*** (đính kèm Quy chế).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Nguyễn Đình Tân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2023

**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI
CHÍNH 2021 CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP HCM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số:502/QĐ-TVĐ-HĐQT, ngày 09/05/2023)

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP Hồ Chí Minh (gọi tắt Công ty).
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông lúc 16h30 ngày 19/04/2023 được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**CHƯƠNG II:
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

A. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Điều lệ.
2. Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền một (01) lần.
3. Ban tổ chức sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CCCD hoặc hộ chiếu), Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông), hoặc thư mời tham dự nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận một Phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
6. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

B. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

1. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty.
2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
3. Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội.
4. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.
5. Đại diện cổ đông không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị quyết định trước Đại hội. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.
2. Ban Kiểm phiếu gồm 03 thành viên, do Hội đồng Quản trị đề cử và thông qua trước Đại hội trong số những đại biểu tham dự Đại hội. Những người tham gia kiểm phiếu không đồng thời là thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ biểu quyết, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội, sau đó nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Đại hội

3. Ban Kiểm phiếu được sử dụng nhóm giúp việc kiểm phiếu.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và Thư ký

1. Hội đồng Quản trị Công ty giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu.
2. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.
4. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc nếu xét thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - 5.1. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
 - 5.2. Sự hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
6. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tịch.

CHƯƠNG III:

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách của Công ty.

Điều 7. Cách thức tiến hành Đại hội

- A. Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành làm một buổi: Đại hội đồng cổ đông chính thức.
- B. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội theo nguyên tắc và cách thức biểu quyết sau:
 1. Nguyên tắc biểu quyết: Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội đều được thực hiện bằng cách biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và/ hoặc đại diện của cổ đông. Mỗi cổ đông/Đại diện được cấp một thẻ có nêu tất cả các nội dung cần biểu quyết, trong đó ghi rõ Mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết và có đóng dấu treo của Công ty.
 2. Cách thức biểu quyết: Cổ đông/Đại diện biểu quyết từng vấn đề một bằng cách đưa cao thẻ biểu quyết hoặc bằng cách đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô biểu quyết: đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến. Ban kiểm phiếu sẽ thu lại phiếu biểu quyết để kiểm phiếu cho từng nội dung biểu quyết.

CHƯƠNG IV:

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 8. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất trên 50% (hoặc 65% - nếu là quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31; tổ chức lại, giải thể Công ty; khoản 3, 4 và 6 Điều 31 Điều lệ Công ty) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG V:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm 05 Chương, 10 Điều, được Hội đồng Quản trị thông qua vào ngày 09 tháng 05 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này./.

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

PHẦN I: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. TỔNG QUAN

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng hợp lý nguồn nhân lực và nâng cao năng suất hiệu quả làm việc của người lao động thông qua hình thức khoán lương theo doanh thu. Nhờ vậy mà trong năm 2022 kết quả hoạt động của Công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 87.5% so với năm 2021 và đạt 173% so với kế hoạch đề ra. Nghĩa vụ đối với các cổ đông Công ty cũng được thực hiện tốt thông qua chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 100% kế hoạch đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2021	THỰC HIỆN 2022	KẾ HOẠCH 2022	Tỉ lệ % (TH 2022 so với TH 2021)	Tỉ lệ % (TH 2022 so với KH 2022)
1	Tổng doanh thu	39,619,933,965	34,657,242,232	20,025,000,000	87.5%	173.1%
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39,614,987,351	34,591,750,621	20,000,000,000	87.3%	173.0%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1,165,632	1,794,945	25,000,000	154.0%	7.2%
	- Thu nhập khác	3,780,982	63,696,666			
2	Tổng chi phí	37,733,397,964	32,826,925,746	18,200,000,000	87.0%	180.4%
	- Giá vốn hàng bán	34,093,024,264	28,031,817,513	14,700,000,000	82.2%	190.7%
	- Chi phí tài chính		29,589,049			
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,598,094,985	4,569,468,980	3,450,000,000	127.0%	132.4%
	- Chi phí khác	42,278,715	196,050,204	50,000,000	463.7%	392.1%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1,886,536,001	1,830,316,486	1,825,000,000	97.0%	100.3%
4	Chi phí thuế TNDN	385,762,943	405,273,338	375,000,000	105.1%	108.1%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	1,500,773,058	1,425,043,148	1,450,000,000	95.0%	98.3%

2. Công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm 2022:

a. Về công tác quản lý và điều hành:

Công ty củng cố hoàn thiện bộ máy tổ chức và điều hành để ngày càng nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Bên cạnh các quy chế quy định hiện hành, Công ty cũng đã rà soát lại và điều chỉnh bổ sung một số quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của đơn vị.

Ban Giám đốc công ty chủ động đề ra các giải pháp cụ thể kịp thời để thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, nhất là luôn bám sát chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhằm duy trì được sự tăng trưởng và trúng thầu các hợp đồng tư vấn có giá trị lớn.

b. Về công tác tổ chức nhân sự:

Nhân lực của Công ty như sau:

STT	Diễn giải	Đến cuối năm 2021	Đến cuối năm 2022
1	Ban lãnh đạo	2	2
2	Phòng KTQT	7	7
3	Phòng KHKT	22	22
4	Phòng TKPP	19	23
5	Phòng TKTT	12	10
	TỔNG CỘNG	62	64

Nhân lực của Công ty đến 31/12/2022 tổng cộng là **64** người tăng 02 người so với đầu năm 2022. Ngoài ra, công ty cũng phải phát triển thêm mảng cộng tác viên bên ngoài để giải quyết gấp một số công việc đang bị quá tải trong cùng một thời điểm nhằm đáp ứng nhu cầu của chủ đầu tư cho các dự án trọng điểm, cấp bách.

c. Về thu nhập:

Lương bình quân năm 2022 của NLD khoảng 25 triệu đồng/người/tháng. Tuy mức thu nhập này chưa cao so với nhiều đơn vị khác, nhưng với tốc độ tăng khá cao so với những năm trước, thể hiện chính sách nâng cao hiệu quả và năng lực người lao động của lãnh đạo Công ty có chiều hướng đúng đắn.

Chính sách khoán lương của lãnh đạo Công ty đã phân nào tạo động lực cho việc nâng cao hiệu suất làm việc. Trong năm 2023, việc khoán lương sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện nhằm mang lại hiệu quả sản xuất ngày càng nâng cao.

Ngoài ra, Công ty cũng đã áp dụng các hình thức nhắc nhở, khấu trừ chi phí xử phạt vào chi phí khoán đối với những cá nhân chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm kỷ luật.

d. Hoạt động Đảng, Đoàn thể:

*** Công tác Đảng:**

Hiện Công ty có 03 đảng viên đang sinh hoạt ghép tại Chi bộ Công ty CP Điện Cơ, thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng, thực hiện việc tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

*** Hoạt động Công đoàn:**

Công đoàn Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM đang hoạt động là Công đoàn bộ phận của Công đoàn Công ty CP Điện Cơ. Công ty cũng đã thực hiện được những buổi giới thiệu, giao lưu và truyền đạt để giúp người lao động am hiểu thêm về kiến thức pháp luật và các quy tắc ứng xử nơi công sở; thực hiện công tác chăm lo đời sống cán bộ nhân viên, vận động Đoàn viên tham gia công tác xã hội, quyên góp ủng hộ người nghèo, cán bộ nhân viên gặp khó khăn và giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn, tham gia các phong trào thi đua, tham gia công tác phát triển Đảng.

PHẦN II: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

I. KẾ HOẠCH DOANH THU – LỢI NHUẬN NĂM 2023-2024:

Ban điều hành đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2022	KẾ HOẠCH 2023	KẾ HOẠCH 2024	Tỉ lệ % (KH 2023 so với TH 2022)
1	Tổng doanh thu	34,657,242,232	27,050,000,000	30,050,000,000	78.1%
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34,591,750,621	27,000,000,000	30,000,000,000	78.1%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1,794,945	10,000,000	10,000,000	557.1%
	- Thu nhập khác	63,696,666	40,000,000	40,000,000	62.8%
2	Tổng chi phí	32,826,925,746	25,690,000,000	28,550,000,000	78.3%
	- Giá vốn hàng bán	28,031,817,513	21,360,000,000	24,020,000,000	76.2%
	- Chi phí tài chính	29,589,049	30,000,000	30,000,000	101.4%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,569,468,980	4,200,000,000	4,400,000,000	91.9%
	- Chi phí khác	196,050,204	100,000,000	100,000,000	51.0%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1,830,316,486	1,360,000,000	1,500,000,000	74.3%
4	Chi phí thuế TNDN	405,273,338	292,000,000	320,000,000	72.1%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	1,425,043,148	1,068,000,000	1,180,000,000	74.9%

Ban điều hành đề xuất kế hoạch doanh thu năm 2023 là 27 tỷ đồng với lý do:

- Giá trúng thầu các công trình Ngầm hóa tương đối thấp do sự cạnh tranh giữa các Công ty có cùng ngành nghề, thời gian để thực hiện các dự án Ngầm hóa thường xuyên bị kéo dài do tính phức tạp của công tác khảo sát thiết kế cũng như phụ thuộc vào thời gian tổ chức tham vấn cộng đồng, lấy ý kiến các cơ quan quản lý hạ tầng, các đơn vị quản lý dự án công trình hạ tầng trên địa bàn,... trước khi trình thông qua các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan như: Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài Nguyên Môi Trường,
- Các gói thầu Tư vấn giám sát thời gian thực hiện theo tiến độ thi công nên không chủ động được cùng với việc giá các gói thầu này rất thấp.

Kế hoạch doanh thu **27 tỷ đồng** được tính toán, thiết lập trên cơ sở:

- Các công trình đã ký kết Hợp đồng còn lại từ năm 2022 trở về trước khoảng 30 tỷ, dự kiến đưa vào doanh thu năm 2023 khoảng 20 tỷ đồng.
- Các công trình dự kiến sẽ ký kết Hợp đồng trong năm 2023 (khoảng 15 tỷ) dự kiến đưa vào doanh thu năm 2023 khoảng 7 tỷ.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1/ Nhóm các giải pháp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tiếp tục củng cố mối quan hệ sẵn có với các chủ đầu tư hiện tại, đặc biệt là các chủ đầu tư trong ngành điện để tiếp tục duy trì quan hệ và nắm bắt nguồn việc.
- Phân tích đánh giá mặt mạnh mặt yếu của Công ty, tiếp tục tinh gọn bộ máy để nâng cao sức cạnh tranh, củng cố thị phần hiện có và đồng thời tìm kiếm cơ hội gia tăng thị phần trong lĩnh vực hoạt động điện lực tư vấn đầu tư xây dựng trên địa bàn TP.HCM.
- Tiếp tục mở rộng và phát triển khách hàng, đặc biệt là các khách hàng lớn ngoài ngành điện như các khu dân cư, khu công nghiệp...
- Tiếp tục mở rộng thị trường và địa bàn hoạt động ra ngoài khu vực TP.HCM.
- Mở rộng chức năng, năng lực hoạt động Điện lực trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán và giám sát thi công cho các công trình điện có cấp điện áp đến 220KV và tư vấn quy hoạch phát triển điện lực, hướng sang lĩnh vực năng lượng mới, năng lượng tái tạo, ... để thêm nguồn công việc, tăng doanh thu.
- Tham gia đấu thầu các dự án có quy mô ngày càng lớn hơn.
- Mở rộng hợp tác kinh doanh, liên danh, tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty.

2. Nhóm các giải pháp về công tác quản trị điều hành:

a. Công tác quản trị chung:

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy hoạt động theo hướng khoán công việc cho các bộ phận, phù hợp với chiến lược và qui mô phát triển của Công ty.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong các mặt hoạt động, đặc biệt là các phần mềm tư vấn thiết kế mới để nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện hợp đồng. Đảm bảo thực hiện hợp đồng đúng tiến độ.
- Đẩy nhanh quá trình nghiệm thu và xác định kinh phí thanh toán đưa vào doanh thu.
- Kích thích tính năng động, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo của nhân viên để tạo điều kiện cho nhân viên hăng say nhiệt tình với công việc.
- Chuẩn hóa lại hồ sơ năng lực của Công ty để tham gia dự thầu công trình, nhằm đảm bảo năng lực của Công ty luôn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của tất cả các gói thầu mà Công ty tham gia, nhằm mục tiêu tăng khả năng cạnh tranh và khả năng thắng thầu các công trình đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao và có giá trị lớn.

b. Công tác quản lý tài chính:

- Quản lý tốt nguồn vốn lưu động. Hạn chế và ngăn ngừa các rủi ro có thể xảy ra. Đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác giám sát và quản lý tài chính. Tập trung và tích cực thu hồi công nợ để đảm bảo tài chính cho mọi hoạt động của Công ty.

c. Công tác tổ chức nhân sự:

- Đào tạo cán bộ quản lý để nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ và trình độ quản lý nhân lực, quản lý tài chính,... sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu công việc trong

thời gian tới.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn, có năng lực làm việc độc lập, chủ động giải quyết công việc một cách hiệu quả.

- Tuyển dụng mới có chọn lọc những ứng viên phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty (Tăng cường tuyển dụng Kỹ sư Xây dựng/Cầu đường để thực hiện công tác giám sát không chuyên điện, phù hợp xu thế hiện nay của khách hàng, Kỹ sư có kinh nghiệm thiết kế/giám sát điện đến điện áp 110kV-220kV, định hướng đến cấp 500kV).

- Khuyến khích nhân viên học thêm văn bằng 2 các chuyên ngành xây dựng (Cty và Công Đoàn sẽ xem xét hỗ trợ học phí với điều kiện cam kết phục vụ Công ty).

d. Công tác tiền lương:

- Phân đấu tăng thu nhập người lao động một cách hợp lý gắn liền với năng suất lao động. Xây dựng cơ chế trả lương gắn với trách nhiệm và hiệu quả để kích thích người lao động tích cực làm việc, nâng cao năng suất lao động, tạo ra doanh thu ngày càng cao và mức thu nhập tương xứng với hiệu quả đóng góp của từng người, từng bộ phận.

e. Công tác khác:

- Song song với hoạt động SXKD, Công ty quan tâm tới các công tác đoàn thể nhằm tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động đoàn thể phong trào, phát huy tinh thần dân chủ, bảo vệ các lợi ích chính đáng của người lao động.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TPHCM có những chuyển biến tích cực. Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng quan tâm và tham gia thực hiện các hoạt động như công tác Đảng và đoàn thể, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của một công ty cổ phần, của cổ đông, của CBCNV.

Một lần nữa, Ban Điều hành và tập thể CBCNV Công ty cam kết sẽ nỗ lực phấn đấu hết mình, đồng thời chủ động nắm bắt tận dụng tốt những cơ hội, mạnh dạn phát huy những thế mạnh của Công ty để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022 và kế hoạch kinh doanh trong năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

CTY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP.HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO CÔNG TÁC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty, tôi xin chúc sức khỏe Quý vị quan khách và toàn thể Quý vị cổ đông, xin chân thành cảm ơn và xin hoan nghênh sự có mặt của tất cả Quý vị.

Kính thưa Đại hội;

Căn cứ theo điều lệ công ty và luật định, hôm nay Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp.HCM tổ chức Đại hội đồng cổ đông để báo cáo với toàn thể cổ đông về kết quả hoạt động, công tác quản trị của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2022 và phương hướng chỉ đạo hoạt động kinh doanh trong năm 2023 như sau:

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị bao gồm 3 thành viên, như sau:

- | | |
|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Đình Tân | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Nguyễn Minh Tâm | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty |
| 3. Ông Đặng Văn Bình | Thành viên HĐQT |

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp.HCM được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp.HCM bầu ra để thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông quản lý, giám sát và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022:

Trong năm 2022 với sự nhất trí cao của Hội Đồng Quản Trị, sự ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, nhiệt huyết của Ban Điều Hành và CBNV đã đưa Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp.HCM ngày một phát triển và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 87.5% so với năm 2021 và đạt 173% so với kế hoạch đề ra. Nghĩa vụ đối với các cổ đông Công ty cũng được thực hiện tốt thông qua chỉ tiêu lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 100% kế hoạch đề ra.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022:

Hội Đồng Quản Trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời theo sát hoạt động của Ban điều hành để kịp thời đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, cũng như tham gia hỗ trợ Ban điều hành trong một số công tác quan trọng.

Với sự nắm bắt kịp thời và nhạy bén, HĐQT đã đưa ra định hướng chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế từng thời điểm phát triển và nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên nhắc nhở Ban Giám đốc Công ty trong việc quan tâm, chăm lo hoạt động của Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty phải lành mạnh. Đồng thời thường xuyên giám sát, kiểm tra và hỗ trợ kịp thời để Ban Giám đốc hoàn thành kế hoạch đề ra.

Việc chăm lo đời sống CBCNV được HĐQT và Ban giám đốc quan tâm thông qua việc ban hành quy chế lương, thưởng, đãi ngộ tốt đã giúp cho CBCNV yên tâm công tác và cống hiến hết mình cho hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị luôn bám sát mục tiêu kế hoạch và tình hình thực tế để đề ra các giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn và hạn chế rủi ro trong hoạt động nhằm bảo toàn vốn và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Tp.HCM đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: 27.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.360.000.000 đồng
- Dự kiến cổ tức năm 2023: 10%

Năm 2023 được đánh giá là khó khăn do giá trúng thầu các công trình ngầm hóa tương đối thấp do sự cạnh tranh giữa các Công ty có cùng ngành nghề, công tác giám sát phần chuyên điện thì Điện lực tự thực hiện, dẫn đến khối lượng công việc của Công ty giảm đáng kể. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ tăng cường việc chỉ đạo và giám sát chặt

chẽ trong hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Để hoàn thành mục tiêu chung, Hội Đồng Quản Trị mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên.

B. KẾT LUẬN

Trong năm 2022, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó. Có được kết quả này trước tiên nhờ vào sự đồng tâm hiệp lực của từng thành viên trong HĐQT, sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty. Và hơn thế nữa, Công ty luôn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Quý vị cổ đông.

HĐQT mong muốn nhận được những đóng góp quý báu của Quý cổ đông trong việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

Thông qua đại hội này, HĐQT xin chân thành cảm ơn Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV của Công ty, chân thành cảm ơn Quý cổ đông về những tình cảm và sự tin tưởng đã dành cho HĐQT và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động quản trị trong năm 2022 và phương hướng chỉ đạo hoạt động kinh doanh trong năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng báo cáo./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Tân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**KẾT QUẢ KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG SXKD ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP.HCM**

-----o0o-----

Kính gửi:

- HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM
- Ban điều hành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ điều lệ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM;

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM đến thời điểm 31/12/2022 và có những ghi nhận, nhận xét và kiến nghị như sau:

PHẦN I – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ, HĐQT

1. Các văn bản của HĐQT ban hành trong năm 2022

STT	Các Văn bản	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	19/05/2022	Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022, phân phối lợi nhuận sau thuế 2021.

2. Nhận xét:

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021 của Công ty đã thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và đã triển khai thực hiện hoàn tất.

PHẦN II – KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022

1. Tổng quan kết quả hoạt động SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2022	Tỉ lệ % (TH 2022 so với TH 2021)	Tỉ lệ % (TH 2022 so với KH 2022)
1	Tổng doanh thu	39.619.933.965	34.657.242.232	20.025.000.000	87%	173%
	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.614.987.351	34.591.750.621	20.000.000.000	87%	173%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1.165.632	1.794.945	25.000.000	154%	7%
	- Thu nhập khác	3.780.982	63.696.666			
2	Giá vốn hàng bán	34.093.024.264	28.031.817.513	14.700.000.000	82%	191%
3	Lợi nhuận gộp	5.521.963.087	6.559.933.108	5.300.000.000	119%	124%
4	Tổng chi phí	3.640.373.700	4.795.108.233	3.500.000.000	132%	137%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.598.094.985	4.569.468.980	3.450.000.000	127%	132%
	- Chi phí khác	42.278.715	196.050.204	50.000.000	464%	392%
	- Chi phí tài chính		29.589.049			
5	Lợi nhuận SXKD	1.923.868.102	1.990.464.128	1.850.000.000	103%	108%
6	Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.165.632	(27.794.104)	25.000.000		
7	Lợi nhuận hoạt động khác	(38.497.733)	(132.353.538)	(50.000.000)		
8	Lợi nhuận trước thuế	1.886.536.001	1.830.316.486	1.825.000.000	97%	100%
9	Thuế TNDN	385.762.943	405.273.338	375.000.000	105%	108%
10	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.500.773.058	1.425.043.148	1.450.000.000	95%	98%
11	Cổ tức	10%	10%	10%	100%	100%
12	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần (đồng/cp)	4.414	4.191	4.265	95%	98%

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những thuận lợi nhất định. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, cụ thể:

- *Về doanh thu*: Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 34,6 tỷ đồng, vượt 73% so với kế hoạch và giảm 13% so với năm 2021.

- *Về lợi nhuận*: Năm 2022 lợi nhuận trước thuế đạt 1,83 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch.

- *Về cổ tức*: Với lợi nhuận đạt được như trên, dự kiến công ty chia cổ tức năm 2022 là 10%, đạt 100% so với kế hoạch được giao.

2. Tình hình sử dụng tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn

(ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022	Chênh lệch
TỔNG TÀI SẢN	30.800.762.561	30.595.062.695	205.699.866
I. Tài sản ngắn hạn	29.368.437.165	28.743.235.835	625.201.330
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.320.936.759	1.118.512.898	1.202.423.861
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-
3. Các khoản phải thu	15.830.262.397	12.643.050.231	3.187.212.166
<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>			-
4. Hàng tồn kho	11.217.238.009	14.896.517.156	(3.679.279.147)
5. Tài sản ngắn hạn khác		85.155.550	(85.155.550)
II. Tài sản dài hạn	1.432.325.396	1.851.826.860	(419.501.464)
1. Các khoản phải thu dài hạn	543.239.949	603.603.988	(60.364.039)
2. Tài sản cố định	823.614.350	1.062.471.785	(238.857.435)
- Tài sản cố định hữu hình	796.212.521	1.062.471.785	(266.259.264)
- Tài sản cố định thuê tài chính			-
- Tài sản cố định vô hình	27.401.829		27.401.829
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-
3. Bất động sản đầu tư			-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
5. Tài sản dài hạn khác	65.471.097	185.751.087	(120.279.990)
TỔNG NGUỒN VỐN	30.800.762.561	30.595.062.695	205.699.866
I. Nợ phải trả	17.553.527.256	18.432.870.538	(879.343.282)
1. Nợ ngắn hạn	17.553.527.256	18.432.870.538	(879.343.282)
2. Nợ dài hạn			-
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	13.247.235.305	12.162.192.157	1.085.043.148
1. Vốn của chủ sở hữu	13.247.235.305	12.162.192.157	1.085.043.148
<i>Trong đó, vốn đầu tư của CSH</i>	3.400.000.000	3.400.000.000	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-

a) Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 là 30,8 tỷ đồng, tăng 0,2 tỷ đồng so với đầu năm là 30,6 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng, cụ thể:

- Các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tăng 1,2 tỷ đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 3,2 tỷ đồng.
- Các khoản hàng tồn kho giảm 3,7 tỷ đồng.
- Tài sản cố định giảm 238 triệu đồng, trong đó TSCĐ hữu hình giảm 266 triệu đồng và TSCĐ vô hình tăng 27 triệu đồng.

b) Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2022 là 30,8 tỷ đồng, tăng 0,2 tỷ đồng so với đầu năm là 30,6 tỷ đồng. Nguyên nhân như sau:

- Nợ phải trả giảm 0,8 tỷ đồng (gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, phải trả người lao động,...).
- Vốn chủ sở hữu không thay đổi là 3,4 tỷ đồng.
- Lợi nhuận chưa phân phối tăng 1 tỷ đồng.

3. Các chỉ tiêu tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	Thay đổi năm 2022 so với năm 2021
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
1.1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	95,35%	93,95%	1,40%
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	4,65%	6,05%	-1,40%
1.2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Tổng nợ/ Tổng nguồn vốn	%	56,99%	60,25%	-3,26%
	Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	132,51%	151,56%	-19,05%
2	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,67	1,56	0,11
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,03	0,75	0,28
3	Tỷ suất lợi nhuận				
	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	4,12%	3,79%	0,33%
	Tỉ suất LNST trên VCSH (ROE)	%	10,76%	12,34%	- 1,58%
	Tỉ suất LNST trên tổng tài sản (ROA)	%	4,63%	4,91%	- 0,28%
4	Hệ số sử dụng tài sản				
	Vòng quay các khoản phải thu	Lần	2,19	3,13	- 0,95
	Kì thu tiền bình quân	Ngày	167	116	50,55
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,50	2,29	0,21
	Thời gian tồn kho bình quân	Ngày	146	159	- 13,42
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,12	1,29	- 0,17
5	Hệ số tự tài trợ				
	Hệ số tự tài trợ (1-Nợ/Tổng nguồn vốn)	%	43,01%	37,95%	3,26%
	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,09	1,11	- 0,02

- Chỉ số cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2022 so với năm 2021 cho thấy:

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản là 95,35% tăng 1,4% so với năm 2021 do tỷ trọng các chỉ tiêu tăng lớn hơn tỷ trọng các chỉ tiêu giảm. Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 4,65% giảm 1,4% so với năm 2021.

+ Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm 2022 giảm 3,26% so với năm 2021, tỷ trọng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu năm 2022 giảm 19,05% so với năm 2021. Từ đó cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ, các khoản nghĩa vụ với người lao động được đảm bảo.

- Chỉ số khả năng thanh toán hiện hành năm 2022 là 1,67 lần tăng 0,11 lần so với năm 2021, chỉ số thanh toán nhanh là 1,03 lần tăng 0,28 lần so với năm 2021, công ty vẫn đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ tức thời.

- Các chỉ tiêu như vòng quay khoản phải thu, kỳ thu tiền bình quân năm 2022 cho thấy tốc độ thu hồi công nợ khách hàng có chậm hơn so với năm trước.
- Tình hình quản lý sử dụng vốn của Công ty được bảo toàn và hiệu quả, được thể hiện qua hệ số bảo toàn vốn là 1,09 lần (>1).

4. Tình hình chính sách đối với người lao động

Theo báo cáo của Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM, lương bình quân năm 2022 đạt 25.000.000 đồng/người/tháng.

PHẦN III – NHẬN XÉT , KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM có những chuyển biến tích cực, cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2022 đạt 34,6 tỷ đồng tăng 73% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 100% so với kế hoạch đề ra. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- Tình hình sử dụng vốn được bảo toàn và hiệu quả.
- Dự kiến chi trả cổ tức năm 2022 là 10%.
- Tình hình chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật: Công ty chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, các quy định Nhà nước.
- Năm 2022 công ty cũng đã hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy chế quy định phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.
- Về tình hình lao động và thu nhập người lao động: Lực lượng lao động của công ty đến cuối năm 2022 là 64 người, lương bình quân đạt 25.000.000 đồng/người/tháng. Chính sách khoán lương của lãnh đạo công ty đã tạo động lực cho NLĐ nâng cao hiệu suất làm việc.

2. Kiến nghị:

- Công ty cần chú trọng công tác đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công việc mới một cách hiệu quả trong thời gian sắp tới.
- Nâng cao quy trình kiểm soát tiến độ hồ sơ, từ thiết kế đến khâu xác định kinh phí, giám sát chặt chẽ quá trình làm việc của nhân viên.
- Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong các mặt hoạt động, tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Công ty cần chú trọng đẩy nhanh, đơn đốc công tác thu hồi nợ.

Ban kiểm soát kính báo cáo một số nội dung trên của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện lực TP.HCM năm 2022.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Thị Thanh Tuyền

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐIỆN LỰC TP. HCM**

MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 29

12.3.3



BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305423225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Tư vấn xây dựng các công trình kiến trúc, đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, thi công xây dựng công trình;
- Cung cấp vật tư thiết bị, bảo trì sửa chữa hệ thống điện dân dụng và công nghiệp.

Trụ sở chính: 155A Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Đình Tân	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Minh Tâm	Thành viên
Ông	Đặng Văn Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Ngô Thị Thanh Tuyền	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Phương	Thành viên
Ông	Lý Văn Buýt	Thành viên

Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Minh Tâm	Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Kiêm	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông	Nguyễn Minh Tâm	Giám đốc
-----	-----------------	----------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (Moore AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Nguyễn Minh Tâm
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Số: C1222746- R/MOORE AISC- DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP. HCM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số : 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

Trần Hải Sơn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số : 2172-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.368.437.165	28.743.235.835
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.320.936.759	1.118.512.898
1. Tiền	111		2.320.936.759	1.118.512.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.830.262.397	12.643.050.231
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	15.465.892.397	12.566.950.984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	364.370.000	65.344.510
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	-	10.754.737
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.217.238.009	14.896.517.156
1. Hàng tồn kho	141	V.5	11.217.238.009	14.896.517.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	85.155.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	85.155.550
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.432.325.396	1.851.826.860
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		543.239.949	603.603.988
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	543.239.949	603.603.988
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		823.614.350	1.062.471.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	796.212.521	1.062.471.785
- Nguyên giá	222		2.666.210.063	2.666.210.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.869.997.542)	(1.603.738.278)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	27.401.829	-
- Nguyên giá	228		727.130.800	693.130.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(699.728.971)	(693.130.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		65.471.097	185.751.087
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	65.471.097	185.751.087
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.800.762.561	30.595.062.695

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.553.527.256	18.432.870.538
I. Nợ ngắn hạn	310		17.553.527.256	18.432.870.538
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	6.890.069.866	9.083.564.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	7.298.117.458	6.328.866.218
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.222.517.039	1.140.002.655
4. Phải trả người lao động	314		1.014.700.000	722.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	481.583.429	587.534.335
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	646.539.464	570.402.464
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

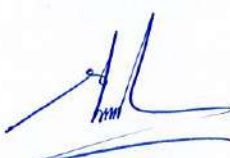
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.247.235.305	12.162.192.157
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	13.247.235.305	12.162.192.157
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.400.000.000	3.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.400.000.000	3.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		220.520.074	220.520.074
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.626.715.231	8.541.672.083
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.201.672.083	7.040.899.025
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.425.043.148	1.500.773.058
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.800.762.561	30.595.062.695


Phạm Thị Cúc
 Người lập


Nguyễn Thị Kiêm
 Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tâm
 Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

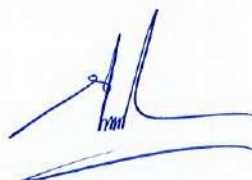
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.591.750.621	39.614.987.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	34.591.750.621	39.614.987.351
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	28.031.817.513	34.093.024.264
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.559.933.108	5.521.963.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.794.945	1.165.632
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	29.589.049	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.589.049	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.569.468.980	3.598.094.985
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		1.962.670.024	1.925.033.734
11. Thu nhập khác	31	VI.7	63.696.666	3.780.982
12. Chi phí khác	32	VI.8	196.050.204	42.278.715
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(132.353.538)	(38.497.733)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.830.316.486	1.886.536.001
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	405.273.338	385.762.943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.425.043.148	1.500.773.058
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.191	4.414
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	4.191	4.414



Phạm Thị Cúc
Người lập



Nguyễn Thị Kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tâm
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.830.316.486	1.886.536.001
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6,7	272.857.435	272.259.256
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	1.794.945	1.165.632
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	29.589.049	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.134.557.915	2.159.960.889
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(3.126.848.127)	7.200.263.988
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		3.679.279.147	(6.278.720.989)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.101.547.995)	(2.265.389.255)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		205.435.540	180.013.110
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29.589.049)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(277.205.625)	(400.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.484.081.806	596.127.743
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(34.000.000)	(58.090.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	(1.794.945)	(1.165.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.794.945)	(59.256.541)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

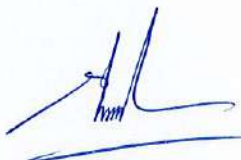
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(245.863.000)	(245.742.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(245.863.000)	(245.742.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		1.202.423.861	291.128.702
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.118.512.898	827.384.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		2.320.936.759	1.118.512.898



Phạm Thị Cúc
Người lập



Nguyễn Thị Kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tâm
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305423225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 10 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Trụ sở chính: 155A Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khảo sát, tư vấn, thiết kế các công trình điện và công trình dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tư vấn xây dựng các công trình kiến trúc, đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, thi công xây dựng công trình;
- Cung cấp vật tư thiết bị, bảo trì sửa chữa hệ thống điện dân dụng và công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: 56 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 57 nhân viên)****7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí mua ngoài, chi phí nhân công liên quan đến việc dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế cho các công trình điện và dân dụng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Máy móc, thiết bị</i>	8 - 12 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	10 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	3 năm
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	5 - 10 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ dụng cụ; thiết bị văn phòng,...liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của tổ chức.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí dịch vụ thuê nhân viên kỹ thuật và các chi phí khác để tạm tính giá vốn dịch vụ đã cung cấp; đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**Chi phí tài chính bao gồm: lãi vay**

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2022 đơn vị chịu thuế suất thuế TNDN là 20%.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2022	01/01/2022		
Tiền		2.320.936.759	1.118.512.898		
Tiền mặt		182.528.403	18.275.279		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.138.408.356	1.100.237.619		
Cộng		2.320.936.759	1.118.512.898		
2. Phải thu của khách hàng		31/12/2022	01/01/2022		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khách hàng trong nước	15.465.892.397	-	12.566.950.984	-	
Phải thu khách hàng là bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.3)	212.459.433		172.689.748		
- Công ty Điện Lực Sài Gòn	744.802.988	-	1.404.596.361	-	
- Ban QLDA Lưới điện Phân Phối TP. HCM	8.991.668.413	-	6.121.779.756	-	
- Khách hàng khác	5.516.961.563	-	4.867.885.119	-	
Cộng	15.465.892.397	-	12.566.950.984	-	
3. Trả trước cho người bán		31/12/2022	01/01/2022		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước	364.370.000	-	65.344.510	-	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và phát triển TM Hoàng Nguyên	359.370.000	-	65.344.510	-	
Đối tượng khác	5.000.000	-	-	-	
Cộng	364.370.000	-	65.344.510	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	10.754.737	-
Tạm ứng	-	-	300.000	-
Phải thu khác	-	-	10.454.737	-
b. Dài hạn	543.239.949	-	603.603.988	-
Ký cược, ký quỹ	543.239.949	-	603.603.988	-
Cộng	543.239.949	-	614.358.725	-

5. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	11.217.238.009	-	14.896.517.156	-
Cộng	11.217.238.009	-	14.896.517.156	-

(*) Chi phí các công trình đang thực hiện, được theo dõi chi tiết từng công trình.

6. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 27)**7. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	693.130.800	693.130.800
Mua trong năm	34.000.000	34.000.000
Số dư cuối năm	727.130.800	727.130.800
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	693.130.800	693.130.800
Khấu hao trong năm	6.598.171	6.598.171
Số dư cuối năm	699.728.971	699.728.971
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	27.401.829	27.401.829

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 693.130.800 VNĐ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022		
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	85.155.550,00		
Chi phí phần mềm Misa	-	85.155.550		
b. Chi phí trả trước dài hạn	65.471.097	185.751.087		
Chi phí công cụ dụng cụ	65.471.097	185.751.087		
Cộng	65.471.097	270.906.637		
9. Phải trả người bán	31/12/2022	01/01/2022		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	568.035.430	568.035.430	7.071.942.058	7.071.942.058
Phải trả người bán là bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	6.322.034.436	6.322.034.436	2.011.622.808	2.011.622.808
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng F5	-	-	183.000.000	183.000.000
Công ty TNHH Tiến Thông	-	-	3.782.405.238	3.782.405.238
Công ty TNHH NP Energy	-	-	2.087.088.460	2.087.088.460
Khách hàng khác	568.035.430	568.035.430	1.019.448.360	1.019.448.360
Cộng	6.890.069.866	6.890.069.866	7.071.942.058	7.071.942.058
10. Người mua trả tiền trước	31/12/2022	01/01/2022		
Khách hàng trong nước	7.298.117.458	6.328.866.218		
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	-	1.011.381.729		
Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM	2.392.131.927	2.369.946.639		
CN Tổng Công ty Điện lực TP. HCM TNHH	2.884.853.259	2.369.946.639		
Khách hàng khác	2.021.132.272	577.591.211		
Cộng	7.298.117.458	6.328.866.218		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	778.778.089	1.960.427.070	2.020.910.987	718.294.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	277.205.625	405.273.338	277.205.625	405.273.338
Thuế thu nhập cá nhân	84.018.941	393.781.679	378.851.091	98.949.529
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	1.140.002.655	2.761.482.087	2.678.967.703	1.222.517.039

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	481.583.429	587.534.335
Cộng	481.583.429	587.534.335

13. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	643.449.300	549.312.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.090.164	21.090.164
Cộng	646.539.464	570.402.464

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.400.000.000	220.520.074	7.380.899.025	11.001.419.099
Lợi nhuận	-	-	1.500.773.058	1.500.773.058
Chia cổ tức năm 2020	-	-	(340.000.000)	(340.000.000)
Số dư cuối năm trước	3.400.000.000	220.520.074	8.541.672.083	12.162.192.157
Số dư đầu năm nay	3.400.000.000	220.520.074	8.541.672.083	12.162.192.157
Lợi nhuận	-	-	1.425.043.148	1.425.043.148
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(340.000.000)	(340.000.000)
Số dư cuối năm nay	3.400.000.000	220.520.074	9.626.715.231	13.247.235.305

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Điện Lực TP. HCM	19%	651.410.000	651.410.000
Ông Nguyễn Đình Tân	47%	1.593.430.000	1.593.430.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	6%	200.000.000	200.000.000
Cổ đông khác	28%	955.160.000	955.160.000
Cộng	100%	3.400.000.000	3.400.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.400.000.000	3.400.000.000
Vốn góp đầu năm	3.400.000.000	3.400.000.000
Vốn góp cuối năm	3.400.000.000	3.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	340.000.000	340.000.000

d. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận

Năm 2022	Năm 2021
chưa công bố	chưa công bố
-	-

đ. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.

31/12/2022	01/01/2022
340.000	340.000
340.000	340.000
340.000	340.000
340.000	340.000
10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

31/12/2022	01/01/2022
220.520.074	220.520.074
220.520.074	220.520.074

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	34.591.750.621	39.614.987.351
Cộng	34.591.750.621	39.614.987.351
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	34.591.750.621	39.614.987.351
Cộng	34.591.750.621	39.614.987.351
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn khảo sát, tư vấn, thiết kế	28.031.817.513	34.093.024.264
Cộng	28.031.817.513	34.093.024.264
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	1.794.945	1.165.632
Cộng	1.794.945	1.165.632
5. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	29.589.049	-
Cộng	29.589.049	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên	3.332.727.147	2.486.811.884
Chi phí khấu hao TSCĐ	83.435.419	83.483.754
Thuế, phí, lệ phí	158.033.556	111.112.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	879.425.090	845.286.166
Chi phí bằng tiền khác	115.847.768	71.400.934
Cộng	4.569.468.980	3.598.094.985
7. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập khác	63.696.666	3.780.982
Cộng	63.696.666	3.780.982
8. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
Thù lao HĐQT và BKS	36.000.000	36.000.000
Phạt chậm nộp thuế	15.000.000	5.318.715
Các khoản khác	145.050.204	960.000
Cộng	196.050.204	42.278.715

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.333.950.907	1.017.385.859
Chi phí nhân công	14.742.082.000	10.628.736.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	509.060.997	671.388.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.993.890.116	30.620.982.843
Chi phí khác bằng tiền	708.688.737	1.031.347.149
Cộng	29.287.672.757	43.969.840.238
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.830.316.486	1.886.536.001
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	196.050.204	42.278.715
Điều chỉnh tăng:	196.050.204	42.278.715
Chi phí không hợp lệ	160.050.204	6.278.715
Thù lao HĐQT và BKS	36.000.000	36.000.000
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	2.026.366.690	1.928.814.716
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	405.273.338	385.762.943
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.425.043.148	1.500.773.058
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.425.043.148	1.500.773.058
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	340.000	340.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.191	4.414
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.191	4.414

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	23.209.368
VND	-100	(23.209.368)
Năm trước		
VND	+200	11.185.129
VND	-200	(11.185.129)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	6.890.069.866	-	-	6.890.069.866
Chi phí phải trả	481.583.429	-	-	481.583.429
Cộng	7.371.653.295	-	-	7.371.653.295
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Phải trả người bán	9.083.564.866	-	-	9.083.564.866
Chi phí phải trả	587.534.335	-	-	587.534.335
Cộng	9.671.099.201	-	-	9.671.099.201

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 28)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. HCM	Cổ đông lớn

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. HCM	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu dịch vụ	862.138.467	1.948.450.774
Nhận cung cấp dịch vụ	5.968.975.969	2.772.127.510

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. HCM	31/12/2022	31/12/2021
Người mua trả tiền trước	-	1.011.381.729
Phải thu khách hàng	212.459.433	172.689.748
Phải trả người bán	6.322.034.436	2.011.622.808

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		Năm 2022	Năm 2021
Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	540.000.000	456.000.000
Ban Giám đốc	Lương và thưởng	584.414.300	464.240.000
Cộng		1.124.414.300	920.240.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, tư vấn, thiết kế và chỉ hoạt động tại trụ sở ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

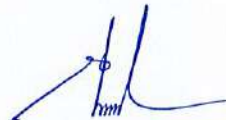
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Phạm Thị Cúc
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Thị Kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tâm
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.6 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.143.842.910	812.853.920	709.513.233	2.666.210.063
Số dư cuối năm	1.143.842.910	812.853.920	709.513.233	2.666.210.063
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	495.992.964	441.822.370	665.922.944	1.603.738.278
Khấu hao trong năm	109.525.351	137.370.280	19.363.633	266.259.264
Số dư cuối năm	605.518.315	579.192.650	685.286.577	1.869.997.542
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	647.849.946	371.031.550	43.590.289	1.062.471.785
Số dư cuối năm	538.324.595	233.661.270	24.226.656	796.212.521

- * Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.060.304.565 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

Số: /TTr-TVĐ-ĐHCĐ2023

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng điện lực Tp.HCM năm 2022 và phương hướng hoạt động Công ty trong năm 2023. Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD và toàn văn BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

- Doanh thu : 34.591.750.621 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.830.316.486 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.425.043.148 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận/VCSH : 41%

2. Thù lao HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Thù lao năm 2023 (người/tháng)	Số người
1	Chủ tịch HĐQT	35.000.000	1
2	Thành viên HĐQT	3.000.000	2
3	Trưởng Ban KS	3.000.000	1
4	Thành viên BKS	2.000.000	2

3. Ủy quyền cho HĐQT chọn một trong các đơn vị dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM;
- Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn UHY;
- Công ty TNHH kiểm toán ASC.

4. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022:

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 : 1.425.043.148 đồng**
- Dự kiến chia cổ tức 10% : 340.000.000 đồng
 - (tương ứng 23.8% lợi nhuận sau thuế) :

- Lợi nhuận giữ lại : 1.085.043.148 đồng
(tương ứng 76.2% lợi nhuận sau thuế)
- Dự kiến thời gian chia cổ tức năm 2022 vào Quý IV năm 2023.

5. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024:

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.000.000.000	30.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	1.360.000.000	1.500.000.000

- Dự kiến cổ tức năm 2023: 10% trên vốn chủ sở hữu

6. Thông qua việc bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:

- Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Đình Tân
2. Ông Nguyễn Minh Tâm
3. Ông Đặng Văn Bình

- Ban kiểm soát:

1. Ông Lý Văn Buýt
2. Bà Đỗ Thị Phương
3. Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

7. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho phù hợp.

8. Báo cáo kết quả sau đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Số cổ đông đăng ký mua: 205.038 cổ phần
- Số tiền cổ đông nộp góp vốn: 1.923.430.000 đồng
- Tăng vốn Điều lệ Công ty từ 3.400.000.000 đồng lên 5.323.430.000 đồng.

Trân trọng kính trình!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tân

Nơi nhân:

- Cổ đông.
- HĐQT, Ban kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Lưu.

Số: /TTr-TVĐ-HĐCĐ2023

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022
“V/v: bầu hội đồng quản trị, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực TP.HCM đã được Đại hội cổ đông thông qua;

Theo quy định tại Điều lệ của Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực TP.HCM, Đại hội đồng cổ đông thường niên tài chính 2023 sẽ bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới thay thế cho nhiệm kỳ 2023 - 2028. Để đảm bảo nhân sự cần thiết của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt công tác quản trị, kiểm soát của Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực TP.HCM, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Thông qua số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2023 - 2028 là 03 thành viên, và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 03 thành viên.
2. Ngày 10/05/2023, Hội đồng Quản trị công ty đã kiểm tra việc Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông ứng cử/đề cử thành viên vào HĐQT, BKS của công ty và tổng hợp danh sách ứng cử/đề cử thành viên để Đại hội cổ đông bầu như sau:

Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị: Có 03 ứng viên, bầu 03 thành viên:

1/ Ô Nguyễn Đình Tân Năm sinh: 1978
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 052078008244 Cấp ngày 23/11/2022 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: 46 TX38, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện,
Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Cổ đông tự ứng cử: sở hữu 318.686 cổ phần chiếm 59,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

2/ Ô Nguyễn Minh Tâm Năm sinh: 1974
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 048074000244 Cấp ngày 14/08/2020 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: 26/1/1C đường số 13A, P.Bình Hưng Hòa A, Q.Bình Tân, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Cổ đông đề cử: Ông Nguyễn Đình Tân và được sự đồng ý của HĐQT đương nhiệm. (sở hữu 318.686 cổ phần chiếm 59,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

3/ Ô Đặng Văn Bình Năm sinh: 1981
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 036081006229 Cấp ngày 11/08/2021 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: 113 Trần Quốc Hoàn, Phường 04, Quận Tân Bình, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện,
Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Cổ đông đề cử: Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP.HCM. (sở hữu 65.141 cổ phần chiếm 12,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

Ứng viên thành viên Ban kiểm soát: Có 03 ứng viên, bầu 03 thành viên:

1/ Ô. Lý Văn Buýt Năm sinh: 1968
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 056068005058 Cấp ngày 21/12/2021 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: 07 Nhật Lệ, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Thiết kế phân phối Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Cổ đông ứng cử: Ông Nguyễn Đình Tân và được sự đồng ý của HĐQT đương nhiệm. (sở hữu 318.686 cổ phần chiếm 59,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

2/ Bà Đỗ Thị Phương Năm sinh: 1981
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 033181013475 cấp ngày 13/02/2022 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: 22/14 Đỗ Thúc Tịnh, phường 12, quận Gò Vấp, TP.HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát, Phó phòng KTQT Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện Lực TP.HCM

Cổ đông đề cử: Ông Nguyễn Đình Tân và được sự đồng ý của HĐQT đương nhiệm. (sở hữu 318.686 cổ phần chiếm 59,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

3/ B. Ngô Thị Thanh Tuyền Năm sinh: 1993
Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt nam
CCCD: 082193013127 Cấp ngày 08/07/2022 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ: Ấp 3, Cẩm Sơn, Cai Lậy, Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng KHKT Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP.HCM

Cổ đông đề cử: Ông Nguyễn Đình Tân và được sự đồng ý của HĐQT đương nhiệm. (sở hữu 318.686 cổ phần chiếm 59,86% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).

- Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại phiên họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

tài chính 2022. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tân

Số: /NQ-TVĐ-ĐHCD2023

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

NGHỊ QUYẾT DỰ THẢO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TP Hồ Chí Minh được đã Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/06/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông ngày 19/05/2023,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN TÀI CHÍNH 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH**

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả hoạt động SXKD và toàn văn BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

- Doanh thu : 34.591.750.621 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.830.316.486 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 1.425.043.148 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận/VCSH : 41%

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 2: Thù lao HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Thù lao năm 2023 (người/tháng)	Số người
1	Chủ tịch HĐQT	35.000.000	1
2	Thành viên HĐQT	3.000.000	2
3	Trưởng Ban KS	3.000.000	1
4	Thành viên BKS	2.000.000	2

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 3: Ủy quyền cho HĐQT chọn một trong các đơn vị dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

- Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM;
- Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn UHY;

- Công ty TNHH kiểm toán ASC.

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 4: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022:

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 : 1.425.043.148 đồng

- Dự kiến chia cổ tức 10% : 340.000.000 đồng
(tương ứng 23.8% lợi nhuận sau thuế) :
- Lợi nhuận giữ lại : 1.085.043.148 đồng

(tương ứng 76.2% lợi nhuận sau thuế)

- Dự kiến thời gian chia cổ tức năm 2022 vào Quý IV năm 2023.

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 5: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: 27.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.360.000.000 đồng
- Dự kiến cổ tức năm 2023: 10% trên vốn chủ sở hữu

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 6: Thông qua việc bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

- Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Đình Tân
2. Ông Nguyễn Minh Tâm
3. Ông Đặng Văn Bình

- Ban kiểm soát:

1. Ông Lý Văn Buýt
2. Bà Đỗ Thị Phương
3. Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

(được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết: %)

Điều 7: Đại hội thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ Công ty từ 3.400.000.000 đồng lên 5.323.430.000 đồng.

Điều 8: Đại hội cổ đông giao cho HĐQT Công ty hoàn chỉnh các Văn bản, các Quyết định, Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022 vừa được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, tiến hành các thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh phù hợp và chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu trong Nghị quyết này.

Điều 9: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 19/05/2023. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực TPHCM, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các thành viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TUQ. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**